

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 23/2021/DS-ST.

Ngày: 18-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A. Địa chỉ: tầng 1, 3,4,5,6 Tòa nhà Thaihodings Tower, số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D S. Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP A.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc chi nhánh): Ông Trần H T. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh Hậu Giang.

Người đại diện tham gia tố tụng (theo quyết định số 819/2020/QĐ-LienVietPostBank.HG ngày 21/12/2020) Ông Nguyễn H T, sinh năm 1989. Chức vụ: Chuyên viên hỗ trợ hoạt động- Phòng hỗ trợ hoạt động- Chi nhánh H G. Địa chỉ: số 32 đường Ng C T, phường I, thành phố V T, tỉnh HG, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 3, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2020 nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A trình bày: Ngày 19/9/2017 bà Lê Thị M có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD800201704056 với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A vay số tiền 40.000.000 đồng, đến ngày 21/9/2017 bà Lê Thị M ký khế ước nhận nợ số 800201704056/01. Mục đích vay vốn mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình, thời hạn vay 60 tháng, trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 666.000 đồng, kỳ cuối trả 706.000 đồng, kỳ gốc đầu tiên trả vào ngày 15/10/2017; Quá trình thực hiện bà M trả đến ngày 16/3/2020 bà M ngưng thanh toán cho Ngân hàng, bà M đã trả cho Ngân hàng tiền gốc 19.350.481 đồng, tiền lãi 9.730.220 đồng. Khoản vay trên quá hạn từ ngày 16/3/2020, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A nhiều lần nhắc nhở bà M thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ quá hạn, nhưng bà Lê Thị M cố tình tránh mặt, không có thiện chí trả tiền vay. Tính đến ngày 12/12/2020 bà M còn nợ tổng số tiền là 23.593.618 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 20.249.519 đồng, lãi trong hạn là 2.283.609 đồng, lãi quá hạn gốc là 568.752 đồng, lãi chậm trả lãi là 91.738 đồng. Yêu cầu bà Lê Thị M trả tiền vay vốn và lãi là 23.593.618 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn kèm theo đơn khởi kiện: QĐ số 819 ngày 21/12/2020 (bản chính); Giấy CMND (pho to); Bảng kê dư nợ gốc, nợ lãi (bản chính); Bản tự khai (bản chính); Giấy đề nghị giải ngân (bản sao); Hợp đồng tín dụng (bản sao); QĐ số 240 ngày 13/4/2020 (bản sao); QĐ ủy quyền số 6650

ngày 20/6/2017 (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án trả nợ (pho to); Giấy CMND, sổ hộ khẩu của Lê Thị M (pho to);

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Lê Thị M vắng mặt, nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn bà Lê Thị M trả tiền vốn gốc là 20.649.519 đồng, tiền lãi trong hạn 3.253.639 đồng, lãi quá hạn gốc 1.538.278 đồng, lãi chậm trả lãi 233.986 đồng; Bị đơn bà Lê Thị M vắng mặt chưa thể hiện ý kiến.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A khởi kiện bà Lê Thị M yêu cầu trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng ngày 19/9/2017 số HĐTD800201704056, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Lê Thị M tại ấp 3, xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị M dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A khởi kiện bà Lê Thị M yêu cầu trả tiền vốn vay còn nợ là 20.649.519 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 19/9/2017 số HĐTD800201704056. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A chứng minh được bà Lê Thị M có nợ tiền theo hợp đồng tín dụng ngày 19/9/2017 số HĐTD800201704056 bằng biên bản làm việc ngày 27/10/2020 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 21 tháng 9 năm 2017. Bị đơn bà Lê Thị M chưa thể hiện ý kiến, theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tổng đạt các văn bản cho bà Lê Thị M theo quy định pháp luật, nhưng bà M không thể hiện ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Nên xác định bà Lê Thị M có nợ tiền vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A theo hợp đồng tín dụng ngày 19/9/2017 số HĐTD800201704056 là sự thật. Theo hợp đồng thể hiện bà M có trách nhiệm trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 666.000 đồng, kỳ cuối trả 706.000 đồng, kỳ gốc đầu tiên trả vào ngày 15/10/2017, nhưng do bà M trả đến ngày 16/3/2020 thì không tiếp tục trả. Như vậy, bà M đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng là vi phạm Điều 428 Bộ luật dân sự, nên Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 428, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả tiền vốn vay là 20.649.519 đồng.

[2.2]. Về lãi suất: Đại diện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A yêu cầu lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10,6%/năm áp dụng từ ngày 21/9/2017 đến ngày 20/9/2018, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi theo lãi suất xếp hạn tín dụng của

LienVietPostBank tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn nợ gốc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 quy định “Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng”. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về lãi suất của đại diện Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A. Do vậy, số tiền lãi bà Lê Thị M phải chịu tiền lãi trong hạn 3.253.639 đồng, lãi quá hạn gốc 1.538.278 đồng, lãi chậm trả lãi 233.986 đồng.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 428, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Các Điều 428, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 11 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Ngân hàng Nhà nước

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A.

1. Buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A số tiền 25.675.422 (hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi hai) đồng. Trong đó, vốn gốc là 20.649.519 đồng (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm mười chín đồng) đồng, tiền lãi là 5.025.903 (năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm lẻ ba) đồng.

2. Bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2021 đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong cho bên được thi hành án, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị M chịu 1.283.700 (một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm) đồng.

- Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A được nhận lại 590.000 đồng (năm trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo biên lai số 0008347 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)
Phạm Thị Tuyết Mai**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Em - Nguyễn Thị Tua

Phạm Thị Tuyết Mai